

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2023.

V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh và bà Nông Thị Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Văn Chung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị B, sinh năm 19xx, "Có mặt";

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

- Bị đơn: Anh Lý Văn Đ, sinh năm 19xx, "Vắng mặt".

- Người đại diện hợp pháp cho bị đơn anh Lý Văn Đ, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vi Thị P, sinh năm 19xx, là mẹ đẻ của Lý Văn Đ, "Có mặt".

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Người làm chứng:

+ Ông Triệu Văn N, sinh năm 19xx (Vắng mặt)

+ Bà Bàn Thị N, sinh năm 19xx (Có mặt).

Địa chỉ: Cùng trú tại Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Triệu Thị B trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị B và anh Đ xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V nay là xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

vào ngày 03/10/2012. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên uống rượu, chửi mắng chị và đến năm 2016 anh Đ có các biểu hiện loạn thần. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị đã sống ly thân với anh Đ từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- **Về con chung:** Trong hôn nhân vợ chồng sinh được 03 con chung là Lý Thị Thu H, sinh ngày 05/x/20xx; Lý Thị Thu M, sinh ngày 08/x/20xx và Lý Phúc C, sinh ngày 07/x/20xx. Hiện nay con H đang ở cùng với anh Đ và mẹ của anh Đ; còn con M và con C đang ở cùng với chị B. Các con H, C khỏe mạnh, phát triển bình thường, còn con M bị câm bẩm sinh. Ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con M và con C, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B làm nghề tự do, thu nhập không đáng kể, chưa có nhà ở ổn định mà vẫn sống nhờ nhà bố mẹ đẻ và hiện nay đang trực tiếp nuôi 02 con chung nên chị B yêu cầu anh Đ và bà P hỗ trợ chị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lý Thị Thu H khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với việc Tòa án yêu cầu chị B làm đơn yêu cầu tuyên bố anh Lý Văn Đ mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì chị B từ chối không thực hiện do anh Đ không hợp tác để thực hiện việc giám định.

## **2. Tại biên bản làm việc ngày 10/3/2023, bị đơn anh Lý Văn Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị B là vợ của anh Đ, chị B đã bỏ về nhà bố mẹ của chị B nhiều năm nay, anh Đ không còn tình cảm với chị B. Nay chị B yêu cầu được ly hôn, anh Đ nhất trí.

- Về con chung: Hai vợ chồng có 03 (Ba) người con chung. Ly hôn anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lý Thị Thu H, sinh ngày 05/x/20xx; chị B được trực tiếp nuôi con chung Lý Thị Thu M, sinh ngày 08/x/20xx và Lý Phúc C, sinh ngày 07/x/20xx.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **3. Theo biên bản ghi lời khai, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn, là bà Vi Thị P trình bày:**

Anh Lý Văn Đ là con trai của bà P, anh Đ có các biểu hiện của người bị mắc bệnh tâm thần như tự nói, tự cười một mình, có lúc tỉnh táo nhận thức, điều khiển được hành vi và phụ giúp được bà P việc nội trợ trong gia đình nhưng có lúc không tỉnh táo thì không nhận biết gì từ năm 2016 đến nay. Năm 2020 anh Đ được UBND huyện N cho hưởng chế độ của người bị bệnh tâm thần với số tiền là 540.000,đ/tháng. Do cha của anh Đ là ông Lý Văn C đã chết năm 2016, nên bà nhất trí làm người đại diện cho anh Đ và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án ly hôn giữa chị B và anh Đ; bà không yêu cầu tuyên bố anh Đ bị mất năng lực hành vi dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Đ kết hôn với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (Nay là xã V). Trong quá trình chung sống, thì anh Đ thường hay uống rượu, chị B nói không nghe. Trong những lúc anh Đ tỉnh táo thì bà có hỏi anh Đ về việc chị B xin ly hôn thì được anh Đ nói là nhất trí ly hôn. Quan hệ hôn nhân của vợ chồng họ do họ tự quyết định và theo quy định của pháp luật.

- Về con chung của chị B và anh Đ, bà P trình bày: Nhất trí với trình bày của chị B về các con chung của chị B và anh Đ; quan điểm giải quyết về các con của chị B tại phiên tòa. Tuy anh Đ có các biểu hiện của người bị mắc bệnh tâm thần nhưng trong lúc tỉnh táo, nhận thức và điều khiển được hành vi, anh Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Lý Thị Thu H nên bà tôn trọng ý kiến của anh Đ và thấy hoàn cảnh thực tế của chị B hiện nay đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung rất vất vả, không có ai hộ chị B trông nom 02 con chung nên bà nhất trí sẽ hỗ trợ anh Đ trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lý Thị Thu H đến năm đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con Lý Thị Thu H.

- Về tài sản chung, nợ chung của chị B và anh Đ: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Tại biên bản xác minh ngày 24/11/2022, anh Triệu Văn T, anh Vi Xuân Q là hàng xóm của anh Đ và chị Lý Thị H là em gái của Đ cung cấp thông tin: Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng họ anh T và anh Q không nắm rõ, các anh chỉ biết năm 2016 chị B bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở thôn K, xã T, huyện N cho đến nay. Chị H cho biết khoảng năm 2015 thì anh Đ bị bệnh tâm thần có những hành động và lời nói khiến chị B hoảng sợ nên từ năm 2016, chị B bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở thôn K, xã T, huyện N cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 24/11/2022, ông Lào Văn T là trưởng thôn K, xã V cung cấp thông tin: Anh Đ và chị B kết hôn năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Quá trình chung sống, vợ chồng họ sống không hạnh phúc, nên chị B đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian chung sống tại xã V, do chị B không đề nghị tổ hòa giải của thôn hòa giải nên ông không biết được mâu thuẫn của họ.

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2022, UBND xã V cung cấp thông tin: Lý Văn Đ sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn hiện nay đang được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng với số tiền 720.000,đ theo quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện N. Lý do anh Đ được hưởng trợ cấp xã hội là người khuyết tật đặc biệt nặng, dạng khuyết tật thần kinh tâm thần. Theo thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 thì trong hồ sơ đề nghị được hưởng trợ cấp đối với người khuyết tật dạng thần kinh không phải thực hiện việc giám định sức khỏe tâm thần nên trong hồ sơ đề nghị không có kết luận giám định sức khỏe tâm thần của anh Lý Văn Đ.

Tại biên bản xác minh lập ngày 22/02/2023, bà Hoàng Mùi N là chi hội trưởng hội phụ nữ và ông Triệu Thanh D là trưởng thôn K, xã T, huyện N cung cấp thông tin: Hiện chị B cùng hai con của chị B, anh Đ là cháu Lý Thị Thu M và cháu Lý Phúc C đang sinh sống cùng nhà với cha mẹ đẻ của chị B tại thôn. Ông D cho biết từ khi ba mẹ con họ về sinh sống tại thôn thì không thấy anh Đ đến thăm mẹ

con họ lần nào.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bà Bàn Thị N là mẹ đẻ của chị Triệu Thị B trình bày: Chị B và anh Đ kết hôn với nhau từ năm 2012, sau khi kết hôn chị B và anh Đ sinh sống ở thôn K, xã V, huyện N đến năm 2016 chị B cùng hai con Lý Thị M và Lý Phúc C về nhà của bà sinh sống. Từ ngày chị B sống ly thân với anh Đ đến nay, bà không thấy chị B và anh Đ còn quan tâm đến nhau nữa. Về điều kiện chỗ ở: Vợ chồng bà hiện nay có 01 ngôi nhà gỗ, mái lợp Proximăng, tường bung bằng gỗ có diện tích 120m<sup>2</sup> ở tại thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ và quyền sở hữu nhà. Hiện tại, ngoài hai vợ chồng bà thì có con B và hai cháu con của B cùng sinh sống. Nếu chị B được quyền nuôi các con thì vợ chồng bà nhất trí cho chị B cùng các con của chị B sinh sống ổn định, lâu dài tại ngôi nhà của hai vợ chồng ông bà. Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án không đưa ông, bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ông Triệu Văn N, là cha đẻ của chị Triệu Thị B trình bày: Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị B và anh Đ sinh sống ở nhà của bố mẹ anh Đ ở thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống chị B và anh Đ chung sống với nhau không hạnh phúc nên chị B và anh Đ đã sống ly thân. Kể từ khi sống ly thân đến nay chị B và anh Đ không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay chị B đang sống cùng gia đình ông ở thôn K, xã T, huyện N, còn anh Đ vẫn sinh sống ở cùng nhà với mẹ của anh Đ ở thôn K, xã V, huyện N. Hiện nay 02 (Hai) con của chị B và anh Đ là Lý Thị Thu M và Lý Phúc C đang sống cùng với chị B ở nhà của ông, còn Lý Thị Thu H đang ở cùng anh Đ. Ngoài ông và vợ của ông, chị B và 02 con của chị B đang sinh sống cùng nhau ở ngôi nhà gỗ, lợp Proximăng, tường bung bằng ván, diện tích khoảng 120 m<sup>2</sup> ở thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vợ chồng ông sẽ cho chị B và các con của chị B ở ổn định lâu dài tại ngôi nhà của ông khi chị B và anh Đ ly hôn

Tại biên bản ghi lời khai của cháu Lý Thị H trình bày có nguyện vọng ở với cha Lý Văn Đ.

Tại biên bản ghi lời khai của Cháu Lý Thị Thu M trình bày có nguyện vọng ở với mẹ Triệu Thị B.

Tại biên bản ghi lời khai của Cháu Lý Phúc C trình bày có nguyện vọng ở với mẹ Triệu Thị B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Lý Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung Lý Thị Thu M, sinh ngày 08/8/2014 và Lý Phúc C, sinh ngày 07/9/2015 cho chị Triệu Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm các con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Lý Thị Thu H, sinh ngày 05/9/2012 cho anh Lý Văn Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Triệu Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:** Chị Triệu Thị B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ án “ly hôn và nuôi con chung” với anh Lý Văn Đ có địa chỉ nơi ở hiện nay là thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai của ông Triệu Văn N và bà Bàn Thị N là cha mẹ đẻ của chị Triệu Thị B do ông N và bà N biết việc chị B và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 và hiện nay chị B và 02 con của chị B đang sống cùng nhà với ông N, bà N. Do đó trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm Tòa án xác định ông Triệu Văn N và bà Bàn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng ông N và bà N không liên quan trực tiếp đến vụ án ly hôn giữa chị B và anh Đ mà ông N, bà N là người biết được vợ chồng chị B, anh Đ đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và hiện nay chị Bích và 02 con của chị B đang sống cùng nhà với ông N, bà N. Do đó căn cứ vào Điều 77 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông Triệu Văn N và bà Bàn Thị N tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lý Văn Đ vắng mặt lần thứ hai nhưng đã có người đại diện hợp pháp. Ông Triệu Văn N là người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai. Người tham gia tố tụng có mặt và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử quyết định phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Lý Văn Đ có các biểu hiện của người bị mắc bệnh tâm thần nhưng nguyên đơn chị Triệu Thị B từ chối không thực hiện việc yêu cầu tuyên bố anh Đ mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Bà Vi Thị P là mẹ đẻ của anh Đ từ chối không thực hiện việc yêu cầu tuyên bố anh Đ mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nhưng bà Vi Thị P nhất trí làm người đại diện cho anh Đ trong vụ án ly hôn giữa chị B và anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Lý Thị Thu H đến năm đủ 18 tuổi và tại phiên tòa bà P cũng có ý kiến sẽ hỗ trợ anh Đ trong việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến năm đủ 18 tuổi. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 24 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4

Điều 68, khoản 4 Điều 69, khoản 1 Điều 88 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định bà Vi Thị P là người đại diện hợp pháp cho bị đơn anh Lý Văn Đ, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Triệu Thị B và anh Lý Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V nay là xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 03/10/2012. Do từ năm 2014 đến nay, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên uống rượu, chửi mắng chị làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của chị B, dẫn đến từ năm 2016 đến nay chị B đã sống ly thân với anh Đ tại nhà cha mẹ đẻ của chị B. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Cho đến ngày mở phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, bà Vi Thị P không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị B với anh Lý Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong hôn nhân tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa; mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 53, 56 của Luật hôn nhân gia đình nên cần được chấp nhận.

**[3] Về con chung:** Trong hôn nhân, chị B và anh Đ có 03 (Ba) con chung là Lý Thị Thu H, sinh ngày 05/x/20xx; Lý Thị Thu M, sinh ngày 08/x/201xx và Lý Phúc C, sinh ngày 07/x/20xx. Hiện nay con Lý Thị Thu H đang ở cùng với mẹ anh Đ và anh Đ tại xã V, huyện N; còn Lý Thị Thu M và Lý Phúc C đang ở cùng với chị B tại xã T, huyện N. Các con H, C khỏe mạnh và phát triển bình thường, còn con M bị câm bẩm sinh. Tại phiên tòa, chị B có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Lý Thị M và Lý Phúc C đến năm đủ 18 tuổi; còn con chung Lý Thị Thu H giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến năm đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà Vi Thị P có ý kiến nhất trí với yêu cầu của anh Đ về việc được quyền trực tiếp nuôi cháu Lý Thị Thu H và bà P sẽ hỗ trợ anh Đ trong việc trực tiếp nuôi cháu H. Chị B và bà P không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị B, anh Đ.

Xét yêu cầu của chị B về việc khi ly hôn giao con Lý Thị Thu M và Lý Phúc C cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của 02 con và phù hợp với ý kiến của anh Đ, bà P. Do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao 02 con chung Lý Thị Thu M và Lý Phúc C cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp, cần được chấp nhận. Tuy nhiên đối với con chung Lý Thị Thu M bị câm bẩm sinh cần giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến năm đủ 18 tuổi, trường hợp sau khi đủ 18 tuổi con Lý Thị Thu M chưa tự lao động nuôi sống được bản thân hoặc không có tài sản để tự nuôi sống bản thân thì cần giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng con M đến khi tự lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống được bản thân.

Xét ý kiến của anh Đ về việc khi ly hôn giao con chung Lý Thị Thu H cho anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thấy rằng: Như đã phân tích ở trên, nếu giao thêm con chung Lý Thị Thu H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, trong khi chị B hiện nay đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, trong đó



có một con có năng lực hành vi hạn chế, thu nhập không ổn định, không có nhà riêng mà vẫn sống nhờ nhà cha mẹ đẻ thì tạo thêm khó khăn, áp lực cho chị B. Còn anh Đ, hiện nay vẫn có các biểu hiện của người bị mắc bệnh tâm thần, có lúc tỉnh táo nhận biết và điều khiển được hành vi nhưng có lúc không tỉnh táo thì không nhận biết và điều khiển được hành vi nên việc giao con chung Lý Thị Thu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là không đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con khi ly hôn; không đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy anh Đ không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lý Thị Thu H, nhưng bà P là mẹ đẻ của anh Đ sống cùng nhà với anh Đ cam kết sẽ hỗ trợ anh Đ trong việc trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục cháu Lý Thị Thu H đến năm đủ 18 tuổi và con Lý Thị Thu H có nguyện vọng ở với cha. Do vậy, giao con chung của chị B và anh Đ là Lý Thị Thu H cho anh Đ và bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến năm đủ 18 tuổi là phù hợp và có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không có yêu cầu nên không được đặt ra để xem xét giải quyết.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:**

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh Đ và người đại diện hợp pháp của anh Đ đều xác định anh Đ, chị B không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị Triệu Thị B phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**[7]** Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 24, Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 104 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 69, 77, khoản 1 Điều 88, 147, 227, 229, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Triệu Thị B với anh Lý Văn Đ.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Lý Văn Đ.

Quan hệ hôn nhân giữa các đương sự chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

## **2. Về con chung:**

- Giao con chung Lý Thị Thu M, sinh ngày 08/x/20xx và Lý Phúc C, sinh ngày 07/x/20xx cho chị Triệu Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp con chung Lý Thị Thu M đã thành niên mà không tự lao động nuôi sống được bản thân hoặc không có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân thì tiếp tục giao con chung Lý Thị Thu M cho chị Triệu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung Lý Thị Thu M có khả năng lao động theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

- Giao con chung Lý Thị Thu H, sinh ngày 05/x/20xx cho anh Lý Văn Đ và bà Vi Thị P là mẹ đẻ của anh Đ có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến năm đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không được đặt ra để xem xét giải quyết.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

## **3. Về tài sản chung và nợ chung:**


- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Triệu Thị B phải chịu 300.000,<sup>d</sup>(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,<sup>d</sup>(Ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001573, ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được giao nhận bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

## **Nơi nhận:**

- Các Đương Sự;
- VKS nhân dân huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- THADS;
- UBND xã V;
- Lưu HSVA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**TRẦN QUANG HÒA**



